

Số : *891*/KSBT

Bến Tre, ngày *30* tháng 5 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
Về việc thiết kế và in tài liệu, biểu mẫu, sổ sách năm 2023

Kính gửi: Các công ty In

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre

Địa chỉ : 230 Nguyễn Văn Tư, phường 7, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Điện thoại liên hệ: 02753 822353

Hiện nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre có nhu cầu về việc thiết kế và in ấn tài liệu, biểu mẫu, sổ sách năm 2023 cho hoạt động của đơn vị (chi tiết danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách và số lượng đính kèm)

Quý công ty quan tâm xin gửi bản chào giá theo danh mục đính kèm về địa chỉ nêu trên.

Yêu cầu báo giá

- Bên ngoài phong bì ghi: Báo giá In tài liệu, biểu mẫu, sổ sách năm 2023
- Hình thức tiếp nhận : văn bản giấy
- Báo giá riêng từng mặt hàng theo danh sách đính kèm (không báo giá tổng thể chung)
- Báo giá bao gồm toàn bộ chi phí.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: đến hết 14 giờ ngày ngày 08/6/2023 theo dấu bưu điện.

Để làm giá kế hoạch cho gói thầu In tài liệu, biểu mẫu, sổ sách năm 2023. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre rất hân hạnh hợp tác cùng quý công ty.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng Website cdcbentre.org
- Lưu : VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Định

DANH MỤC IN TÀI LIỆU, BIỂU MẪU, SỔ SÁCH
 Kèm theo Thư mời báo giá số 894/KSBT ngày 30 tháng 5 năm 2023



TT	Tên tài liệu	ĐVT	Quy cách	Tiêu chuẩn/Thông số lý thuật	Mặt	Màu	SL	Trang / cuốn	Thành tiền	Ghi chú
1	Sổ khám bệnh	Cuốn	Khổ A3 (41 * 29.5)	Bìa for 160 gsm trắng; 100 trang ruột for 70	2	đen	20	100 trang ruột. Dán gáy		Theo mẫu
2	Phiếu hẹn trả kết quả xét nghiệm	tờ	Khổ A8 (9.5 * 6.5)	For 70gsm	1	đỏ + xanh	3.000			Theo mẫu
3	Phiếu Xét nghiệm	tờ	Khổ A5 (14.5*20.5)	Foe 70 gsm	1	đen	3.000			Theo mẫu
4	Phiếu xét nghiệm tế bào cổ tử cung	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	For 70gsm	1	đen	2.000			Theo mẫu
5	Siêu âm sản phụ khoa	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	For 70gsm	2	đỏ + xanh	8.000			Theo mẫu
6	Hồ sơ bệnh án phá thai	tờ	Khổ A3 (41 * 29.5)	For 70gsm	2	đen	2.500			Theo mẫu
7	Tờ điều trị (sử dụng phá thai bằng phương pháp hút chân không)	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	For 70gsm	1	đen	1.500			Theo mẫu
8	Tờ điều trị (Mẫu số 2 HSBAPT) (sử dụng phá thai bằng phương pháp thuốc)	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	For 70gsm	1	đen	1.000			Theo mẫu
9	Giấy cam đoan tự nguyện phá thai (Mẫu số 5 HSBAPT)	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	For 70gsm	1	đen	2.500			Theo mẫu
10	Phiếu xét nghiệm (Mẫu số 4 HSBAPT)	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	For 70gsm	1	đen	2.500			Theo mẫu
11	Phiếu hẹn	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	For 70gsm	2	đen	1.000			Theo mẫu
12	Sổ phá thai	Cuốn	Khổ A3 (41 * 29.5)	Bìa for trắng 160 gsm	2	đen	2	100 trang ruột. Dán gáy		Theo mẫu
13	Sổ khám thai	Cuốn	Khổ A3 (41 * 29.5)	Bìa for trắng 160 gsm	2	đen	2	100 trang ruột. Dán gáy		Theo mẫu

TT	Tên tài liệu	ĐVT	Quy cách	Tiêu chuẩn/Thông số lý thuật	Mặt	Màu	SL	Trang / cuốn	Thành tiền	Ghi chú
14	Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em	cuốn	14.5 * 20.5	Trang bìa Couche 150 gsm, 76 trang ruột pho 80 gsm +4 trang biểu đồ rời couche 150gsm. Dán giấy	2	Nhiều màu	15.000	Trang bìa Couche 150 gsm, 76 trang ruột pho 80 gsm +4 trang biểu đồ rời couche 150gsm. Dán giấy		Theo mẫu
15	Tờ bướm phòng, chống TCM	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	Couche 120 gsm	2	Nhiều màu	20000			Theo mẫu
16	Tờ bướm phòng, chống SXH	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	Couche 120 gsm	2	Nhiều màu	20000			Theo mẫu
17	Tờ bướm Dự phòng TBMMN	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	Couche 120 gsm	2	Nhiều màu	20000			Theo mẫu
18	Tờ bướm đại tháo đường	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	Couche 120 gsm	2	Nhiều màu	20000			Theo mẫu
19	Phòng, chống bệnh đại	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	Couche 120 gsm	2	Nhiều màu	20000			Theo mẫu
20	Tờ bướm tiêu chảy cấp	tờ	Khổ A4 (20.5*29.5)	Couche 120 gsm	2	Nhiều màu	20000			
21	Áp phích phòng chống SXH	tờ	60 x 84	Couche 120 gsm; cán bóng PE	1	Nhiều màu	1500			Theo mẫu
22	Áp phích phòng, chống TCM	tờ	60 x 84	Couche 120 gsm; cán bóng PE	1	Nhiều màu	1500			Theo mẫu
23	Bảng kiểm trước khi tiêm chủng >= 1 tháng tuổi trở lên tại các CS tiêm chủng ngoài bệnh viện	tờ	15 * 21 (A5)	Foe 70 gsm	1	đen	20.000			Theo mẫu
24	Phiếu tiêm phòng bệnh Đại	tờ	14.5 * 20.5 (A5)	For 160 gsm	2	đen	10.000			Theo mẫu
25	Thuốc điều trị(khai bệnh án súc vật cắn)	tờ	20.5 * 29.5 (A4)	For 70gsm	2	đen	10.000			Theo mẫu

TT	Tên tài liệu	ĐVT	Quy cách	Tiêu chuẩn/Thông số lý thuật	Mặt	Màu	SL	Trang / cuốn	Thành tiền	Ghi chú
26	Phiếu tiêm chủng Uốn ván	tờ	14.5 * 20.5 (A5)	For 160 gsm	1	đen	6.000			Theo mẫu
27	Sổ theo dõi bệnh nhân tiêm vắc xin phòng bệnh Dại và huyết thanh kháng dại.	cuốn	29.5* 41.5	Bìa for 160 gsm trắng; 100 trang ruột for 70	2	đen	20	100 trang ruột. Kim bấm lồng		Theo mẫu
28	Sổ khám sức khỏe định kỳ (tờ rời)	tờ	41 * 29.5 (A3)	For 70gsm	2	đen	35.000			Theo mẫu
29	Sổ khám sức khỏe định kỳ (cuốn)	cuốn	20.5 * 29.5 (A4)	Bìa for xanh 120 gsm	2	đen	10.000	24 trang ruột. Kim bấm lồng		Theo mẫu
30	Sổ khám sức khỏe phát hiện bệnh nghề nghiệp(tờ rời)	tờ	41 * 29.5 A3	For 70gsm	2	đen	50.000			Theo mẫu
31	Biểu đồ đo sức nghe	tờ	20.5 * 29.5 (A4)	For 70gsm	1	đen	10.000			Theo mẫu
32	Sổ tiêm chủng cá nhân	cuốn	10*13	Bìa for 160 gsm nhiều màu	2	Nhiều màu	15.000	16 trang ruột.Kim bấm lồng		Theo mẫu
33	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với trẻ dưới 1 tháng tuổi tại các cơ sở tiêm chủng ngoài bệnh viện (1a)	tờ	14.5*20.5 (A5)	For 70gsm	1	đen	20.000			Theo mẫu
34	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với trẻ sơ sinh từ 1 tháng tuổi trở lên tại các cơ sở tiêm chủng ngoài bệnh viện (1b)	tờ	14.5*20.5 (A5)	For 70gsm	1	đen	110.000			Theo mẫu
35	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với trẻ dưới 1 tháng tuổi tại các cơ sở tiêm chủng thuộc bệnh viện(1c)	tờ	14.5*20.5 (A5)	For 70gsm	1	đen	20.000			Theo mẫu

TT	Tên tài liệu	ĐVT	Quy cách	Tiêu chuẩn/Thông số lý thuật	Mặt	Màu	SL	Trang / cuốn	Thành tiền	Ghi chú
36	Bảng kiểm trước tiêm chủng đối với đối tượng từ 1 tháng tuổi trở lên tại các cơ sở tiêm chủng thuộc bệnh viện(1d)	tờ	14.5*20.5 (A5)	For 70gsm	1	đen	1.000			Theo mẫu
37	Phiếu chỉ định tiêm chủng	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	1	đen	2.000			Theo mẫu
38	Sổ quản lý vắc xin bơm kim tiêm, hộp an toàn dùng cho tuyến tỉnh, huyện	cuốn	20.5*29.5 (A4)		2	đen	200	44 trang ruột. Kim bấm lồng		Theo mẫu
39	Sổ quản lý vắc xin, bơm kim tiêm tuyến xã, phường	cuốn	20.5*29.5 (A 4)	Bìa For hồng 160 gsm; 44 trang ruột for 70 gsm	2	đen	170	44 trang ruột. Kim bấm lồng		
40	Sổ quản lý tiêm chủng cơ bản cho trẻ em, dùng cho tuyến xã, phường A2.1/YTCS	cuốn	20.5*29.5 (A4)	Bìa For hồng 160 gsm; 44 trang ruột for 70 gsm	2	đen	170	44 trang ruột. Kim bấm lồng		
41	Phiếu theo dõi điều trị bằng thuốc Methadone (màu vàng)	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 160 gsm màu vàng	2	đen	1.000			theo mẫu
42	Bệnh án (Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone)	Cuốn	20.5*29.5 (A4)	Bìa For 160 gsm màu vàng; 56 trang ruột for 70 gsm	2	đen	250	56 trang ruột; kim bấm lồng		theo mẫu
43	Đơn đăng ký tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế(Mẫu số 01 NĐ 90/2016/NĐ-CP)	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	1	đen	200			theo mẫu
44	Đơn đề nghị chuyển tiếp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Mẫu 03 NĐ 90/2016/NĐ-CP)	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	1	đen	200			theo mẫu

TT	Tên tài liệu	ĐVT	Quy cách	Tiêu chuẩn/Thông số lý thuật	Mặt	Màu	SL	Trang / cuốn	Thành tiền	Ghi chú
45	Phiếu theo dõi điều trị giai đoạn duy trì	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	2	đen	2.000			theo mẫu
46	Phiếu theo dõi điều trị giai đoạn điều chỉnh liều	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	2	đen	500			theo mẫu
47	Thang đánh giá lâm sàng hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	1	đen	200			theo mẫu
48	Phiếu sơ kết ngày điều trị	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	1	đen	200			theo mẫu
49	Phiếu xét nghiệm	tờ	20.5*29.5 (A4)	For 70gsm	1	đen	250			theo mẫu
TỔNG CỘNG										

Ghi bằng chữ :

